

Số: 633/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long” (sau đây gọi là Đề án), với nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm xây dựng Đề án

- Hiện đại hoá hệ thống thủy lợi làm cơ sở cơ cấu lại nông nghiệp nhằm phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ: chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển nông nghiệp đa dạng (thủy sản - cây ăn quả - lúa), sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi trên cơ sở tôn trọng quy luật tự nhiên, lựa chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, nước lợ, mặn, “lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi”, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi gắn với quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

- Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi cả về công trình và phi công trình, hoàn thiện hệ thống thủy lợi, kết hợp với hiện đại hoá công tác quản lý nhằm phát huy hiệu quả công trình, đảm bảo phục vụ các đối tượng sử dụng nước.

2. Mục tiêu của Đề án

a) Mục tiêu tổng quát: Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nhằm phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới; chủ động kiểm soát nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh, phòng, chống thiên tai (hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập úng), bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn và nội tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Tập trung tổ chức lại, kiện toàn, thành lập các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định của Luật Thủy lợi (tách chức năng, nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi ra ngoài chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước); đầu tư xây dựng một số công trình thủy lợi lớn để kiểm soát mặn, nguồn nước, chuyển nước phục sản xuất, dân sinh theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đến năm 2030: Phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ, từng bước hiện đại, thông minh, bảo đảm chủ động phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh trong điều kiện nguồn nước không xuất hiện tình trạng cực đoan, đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp đa dạng, bền vững tại các tiểu vùng sinh thái.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi hiện đại, thông minh bảo đảm chủ động phục vụ chuyển đổi, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp và dân sinh tại các tiểu vùng sinh thái, từng bước tự động hóa vận hành; chủ động phòng, chống thiên tai, như: hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập úng, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển ở thượng nguồn và phát triển nội tại vùng.

- Đến năm 2100: Hệ thống thủy lợi được tự động hóa vận hành, bảo đảm an toàn trước thiên tai, phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Ủy hội sông Mê Công Quốc tế, đáp ứng điều kiện ứng dụng công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa công tác quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi và phục vụ xây dựng các kịch bản phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập úng.

b) Hoàn thiện tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi; xác định rõ chủ thể, phân định rõ trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đáp ứng quy định của pháp luật.

c) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, bảo đảm đồng bộ, an toàn, chống chịu được tác động của thiên tai, đảm bảo khả năng kiểm soát nguồn nước (nhất là mặn, ngọt), chất lượng nước liên vùng, chủ động điều hòa, phân phối nguồn nước hợp lý cho các đối tượng sử dụng nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển ở thượng nguồn cũng như nội tại vùng theo hướng bền vững ở các tiểu vùng; phòng, chống thiên tai, nhất là xâm nhập mặn, lũ lụt, ngập úng.

d) Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo nguồn nước, quản lý, vận hành hiệu quả công trình thủy lợi phục vụ phát triển sản xuất, nhất là nông nghiệp, dân sinh, hạn chế thiệt hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Xác định ranh giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định pháp luật; bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

e) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, phù hợp để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi Vùng. Tăng cường liên kết, chia sẻ thông tin giữa các ngành, các quốc gia lưu vực sông Mê Công nhằm quản lý bền vững tài nguyên nước trên lưu vực và tăng hiệu quả hoạt động của các công trình thủy lợi.

g) Đẩy mạnh công tác truyền thông, kịp thời truyền tải thông tin khí tượng, thủy văn, nguồn nước, bảo vệ công trình thủy lợi, ảnh hưởng của thiên tai đến các cấp chính quyền địa phương, người dân và cơ quan liên quan.

2. Giải pháp

a) Tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng các hệ thống thủy lợi phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia và của Ủy hội sông Mê Công Quốc tế, bảo đảm cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết phục vụ nghiên cứu, đánh giá, tính toán các nội dung thực hiện Đề án và quản lý, khai thác, vận hành theo yêu cầu hiện đại hóa hệ thống thủy lợi.

b) Hoàn thiện tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cụ thể:

- Kiện toàn các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để quản lý, khai thác một số hệ thống công trình thủy lợi lớn mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 2 tỉnh trở lên như: Cái Lớn - Cái Bé, Quản Lộ - Phụng Hiệp, Trà Sư - Tha La,...

- Kiện toàn, thành lập các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi; không giao nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương.

c) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi

- Cải tạo các cửa cống lấy nước hiện có ở vùng ảnh hưởng triều, bảo đảm kiểm soát mặn, chủ động vận hành lấy nước ngọt, nước mặn và tiêu thoát nước.

- Rà soát lại hệ thống đê bao, bờ bao nội đồng hiện có, bảo đảm chủ động kiểm soát lũ, triều và xâm nhập mặn; củng cố, nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao hiện có phù hợp với định hướng phát triển sản xuất theo Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng bổ sung các công dưới đê bao, bờ bao, trạm bơm, các công đầu kênh, tách riêng kênh cấp nước, kênh tiêu nước bảo đảm phục vụ nuôi trồng thủy sản; nạo vét hệ thống kênh, rạch bảo đảm vận hành đúng năng lực thiết kế, chủ động tích trữ nước, dẫn nước tưới, tiêu.

- Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi để khép kín các hệ thống thủy lợi nhằm chủ động kiểm soát lũ, mặn, ngọt, tiêu thoát nước, chuyên nước liên vùng theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành công trình

- Thực hiện quan trắc, dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước tại các tiểu vùng sinh thái; giám sát, dự báo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, giám sát nguồn nước phục vụ quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi.

- Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập úng, chất lượng nước để phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi.

- Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành các hệ thống thủy lợi; xây dựng hệ thống giám sát vận hành công trình, từng bước tiến tới tự động hóa công tác quản lý, vận hành.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

đ) Bảo vệ công trình, chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi

- Hoàn thiện cấm mốc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Luật thủy lợi, tăng cường kiểm tra giám sát, xử lý kịp thời vi phạm.

- Bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi theo Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e) Xây dựng chương trình khoa học công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và hợp tác quốc tế.

g) Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng các phóng sự chuyên đề phổ biến kinh nghiệm, kiến thức về việc phòng chống tác động của thiên tai như hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập úng; nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo vệ công trình thủy lợi.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương được phân bổ theo quy định của pháp luật để:

a) Thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành bao gồm việc điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng thủy lợi vùng, xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu.

- Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập úng, chất lượng nước phục vụ chỉ đạo điều hành, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi; thực hiện dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước; giám sát, dự báo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, giám sát nguồn nước; xây dựng hệ thống giám sát, tự động hóa vận hành; hoàn chỉnh quy trình vận hành các hệ thống, công trình thủy lợi do Bộ quản lý.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ và các công trình thủy lợi quan trọng khác.

- Cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Bộ quản lý.

- Đào tạo, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật.

- Thực hiện chương trình khoa học công nghệ.

b) Hỗ trợ địa phương sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách địa phương

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới công trình thủy lợi trên địa bàn.

- Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng bổ sung các cống, bọng, đê bao, bờ bao, trạm bơm, cống đầu kênh, tiếp nguồn nước, hạ tầng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

- Hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

- Cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

- Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật và thực hiện chương trình khoa học công nghệ trong phạm vi trách nhiệm của địa phương.

3. Nguồn vốn xã hội hóa đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng, quản lý và đầu tư hệ thống đê bao, bờ bao, thủy lợi nội đồng theo quy định của pháp luật.

IV. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Các công việc thực hiện hằng năm: Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước. Giám sát, dự báo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi. Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật. Ứng dụng khoa học công nghệ và tăng cường hợp tác quốc tế.

2. Từ nay đến năm 2025:

- Tiếp tục thực hiện các dự án trong giai đoạn theo quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng các hệ thống thủy lợi để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nâng cấp công cụ dự báo xâm nhập mặn, nguồn nước, chất lượng nước; hoàn thiện tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thể chế, chính sách. Từng bước xây dựng hệ thống giám sát tự động độ mặn, nguồn nước, chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công có cửa van vận hành tự động vùng ảnh hưởng triều; nâng cấp đê, bờ bao cho vùng cây ăn trái; nâng cấp công trình cấp nước cho vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung, quy mô lớn; cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi,...

3. Giai đoạn 2026 - 2030: Duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia và Ủy hội sông Mê Công Quốc tế. Hoàn thiện hệ thống cấp nước cho vùng nuôi trồng thủy sản và vùng ngọt hóa; bổ sung, khép kín hệ thống thủy lợi; hoàn thiện hệ thống đê bao, bờ bao và công trình nội đồng; công trình kiểm soát, chuyển nước liên vùng.

4. Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án nhằm phát huy hiệu quả các chương trình, dự án được thực hiện trong giai đoạn trước, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển nội vùng, tác động của biến đổi khí hậu và thượng nguồn; đầu tư tự động hóa vận hành các công trình thuộc các hệ thống thủy lợi khép kín, công trình kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, ngọt, công trình chuyển nước liên vùng; thành lập các trung tâm điều hành theo hệ thống thủy lợi, tiểu vùng, toàn vùng.

5. Sau năm 2050: Kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả đạt được từ các giai đoạn trước, tiếp tục hiện đại hóa hệ thống thủy lợi theo chiều sâu, bảo đảm phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Điều phối chung, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Đề án, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy để quản lý, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi do Bộ quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng thủy lợi, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư, hoàn thiện hệ thống thủy lợi do Bộ quản lý vào kế hoạch đầu tư các kỳ trung hạn, dài hạn, đồng thời lồng ghép vào các chương trình, dự án khác được thực hiện trong vùng.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước tại các tiểu vùng sinh thái; giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh.

- Hàng năm chủ động chỉ đạo các địa phương bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Chỉ đạo cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cấp phép cho các hoạt động xả thải vào hệ thống thủy lợi do Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát hệ thống khí tượng thủy văn chuyên ngành, phục vụ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi. Chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức cung cấp kịp thời thông tin dự báo về khí tượng, thủy văn phục vụ vận hành hiệu quả công trình thủy lợi, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực để phát triển thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cân đối, bố trí nguồn vốn để tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, đặc biệt các công trình có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh, phục vụ đa mục tiêu, kết hợp giao thông, thủy lợi, sử dụng hiệu quả nguồn nước, hạn chế tác động bất lợi do biến đổi khí hậu, các thiên tai liên quan đến nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

4. Bộ Tài chính: Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi theo quy định của pháp luật. Bố trí nguồn vốn thường xuyên hằng năm thực hiện các nhiệm vụ đặc thù về dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước; giám sát, dự báo chất lượng trong các hệ thống thủy lợi để phục vụ quản lý, vận hành công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ: Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi. Tổ chức triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học, công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng nhằm phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo công tác truyền thông để người dân trong vùng nhận thức đầy đủ nguy cơ thiếu nước, xâm nhập mặn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; chủ động triển khai các biện pháp phù hợp từng hộ gia đình để phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác hiện đại hóa hệ thống thủy lợi thuộc quản lý của địa phương trên cơ sở mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án, trong đó: đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi theo hướng kết hợp đồng bộ với hạ tầng giao thông và các hạ tầng kinh tế khác, tránh lãng phí; hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành công trình; cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cấp phép cho các hoạt động xả thải vào hệ thống thủy lợi do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

- Triển khai việc kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý, khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý theo đúng quy định của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước theo chỉ đạo, hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

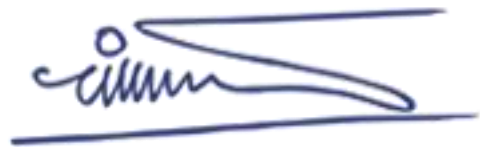
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, TNMT, KHĐT, TC, GTVT, KHCN, TTTT;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ: TH, QHĐP, KTTH, CN;
- Lưu: VT, NN (3) Tuynh.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng